CRV 社による格付け　　２０１７年11月発売　！！

ベトナム優良企業 1000社 下巻

Credit Rating Vietnam JSC (CRV) 編

Ｂ５判　493 頁　ISBN 978-4-907379-20-9　C3034　価格　38,000 円+税
発行ビスタ　ピー･エス

【収録分野】

製造業（食料・飲料・衣服・製糸・木材・紙・パルプ・コークス炉・精製石油製品・基礎化学製品・汎用機器・スポーツ用品・医療機器・ゲーム用品)、印刷業、修理業、採石業、設備工事業、水道業、熱供給業、建設業、発電、水処理、廃棄物処理業、試験検査業、卸売業（食料・飲料・肥料・飼料・医薬品）小売業、輸送業、宿泊業、飲食業、出版業、放送業、建築業、旅行業、警備業、清掃業、管理業、職業斡旋業、教育、医療、社会教育、葬儀、娯楽業、情報サービス業、不動産業、コンサルタント業、調達

【ページ見本】

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÀI GÒN CO.OP TIỀN HOÀNG	
SAI GON CO.OP TIEN HOANG ONE MEMBER COMPANY LIMITED	
納税者番号 Tax code	0305778411
住所 Address:	Ho Chi Minh
127 Dinh Tien Hoang, 3 Ward, Binh Thanh	
Url	http://www.co-opmart.com.vn/
Email	cmdinhtienhoang@saigonco-op.com.vn
Tel	+84-35100091
Fax	+84-38418227
設立年 Start Year	2000
代表者 Representative	Nguyen Thi Tranh
従業員数 Total Employees	348
ベトナム標準産業分類コード VSIC 2007 (code)	47191
業種 スーパーマーケット・商店集中地域における小売業 Retail sale in supermarket, trade centre	
CRV 格付け - Rating:	(2015) AA

Co.opMart は、ベトナム最大のスーパーマーケットチェーンで、本社はホーチミン市にあり、主要都市に支店を展開している。Co.opMart は Saigon Co.op、Coop Mart、Co-op Mart としても知られている。
Co.opMart is by far the largest supermarket chain in Vietnam. Headquartered in Ho Chi Minh City they have an always increasing amount of branches around the city. Co.opMart is also known as Saigon Co.op, Coop Mart and Co-op Mart.

要約財務諸表(100 万ドン) SUMMARY OF FINANCIAL STATEMENTS (2015-2014) (million VND)	2015	2014
I. 総資産 Total Assets	151,531	153,024
1. 現金、現金同等物及び短期投資 Cash, cash equivalent and Short-term Investments	11,847	10,445
2. 売掛金 Accounts receivable	77,202	91,617
3.棚卸資産 Inventories	45,887	36,152
4. 非流動資産及び長期投資 Non Current Assets and Long-term Investments	16,595	14,810
II. 負債及び自己資本 LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		
1. 負債 Liabilities	98,447	102,813
2. 自己資本 Owners' Equity	53,084	50,211
III. 損益計算書 INCOME STATMENTS		
1.売上高 Revenue	937,885	930,409
2. 売上原価 Cost of goods sold	793,188	757,300
3. 税引後純利益（損失）Net profit/ (loss) after tax	35,877	44,795

		2015	2014
I. 流動性比率 LIQUIDITY RATIOS			
1. 流動比率 Current Ratio	Times	1.71	1.68
2. 当座比率 Quick ratio	Times	1.13	1.24
II. 業績比率 PERFORMANCE RATIOS			
1. 棚卸資産回転率 Inventory turnover	Times	20.44	25.74
2. 平均売掛金回収期間 Average Receivables Period	Days	30.04	35.94
3. 資産回転率 Asset turnover	Times	6.19	6.08
III. 支払能力比率 INSOLVENCY RATIOS			
1. 総資産負債比率 Liabilities/ Total assets	%	64.97%	67.19%
2. 負債比率 Liabilities/ Owner's equity	%	185%	205%
3. 延滞負債比率 Overdue debt/ Total outstanding loans	%	0.00%	0.00%
IV. 利益率 PROFITABILITY RATIOS			
1. 売上高税引後純利益 Net profit after tax/ Turnover	%	3.83%	4.81%
2. 総資産税引後純利益 Net profit after tax/Total assets	%	23.68%	29.27%
3. 自己資本税引後純利益 Net profit after tax/ Owner's equity	%	67.59%	89.21%

ベトナム情報通信レポート 2015

情報通信省/VN　著　翻訳　ビスタ　ピー・エス　ISBN 978-4-907379-17-9　C3065　89 ページ
並装丁　2017 年 8 月発行　定価 6,900 円＋税

ベトナムインターネット資源レポート 2015

ベトナムインターネットネットワーク情報センター　著　翻訳　ビスタ　ピー・エス　Ｂ５　８８ページ　Ｂ５判　並装丁　2017 年 4 月発行
ＩＳＢＮ　978-4-907379-16-2　Ｃ3065　定価　6,900 円＋税

ベトナム統計年鑑 2015 年版

翻訳者　NGUYEN THI THANH THUY（グェン ティ タン トゥイ）博士（経済学）監修者　高橋　塁　（タカハシ　ルイ）東海大学政治経済学部准教授
Ｂ５判　967 頁　上装丁　ISBN 978-4-907379-19-3　C3033　価格　45,000 円+税

ベトナム海洋アトラス

サイズ　57.4 x 62.4　75 ページ　2013 年発行　上製本　資源環境地図出版社　72,600 円＋税
Tập bản đồ chuyên đề về Biển Đông　Kích thước tập bản đồ là 57,4cm x 62,4cm　75 trang bao gồm 50 trang bản đồ, 11 trang thuyết minh và các trang chú giải.

ベトナムナショナルアトラス

サイズ（38×54cm）163 ページ　1999 年発行　上製本　資源環境地図出版社　62,000 円+税
Atlas Quốc gia Việt Nam　NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

ベトナム行政地図帳　（６４省及び中央直轄市）

サイズ A2（420×594mm）縮尺　1/100,000～450,000　上製本　84 ページ　2007 年　資源環境地図出版社　31,850 円+税
Tập Bản đồ Hành chính Việt Nam 64 tỉnh　khổ A2 BĐ Hành chính　84page　2007 scale 1：100,00～450,000
hard　2007　ISBN 8935021601238 NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

アンリ・オゲル　安南人の技　全３巻　（上装丁　箱入り）

Henri Oger -Technique de people Annamite　:　Mechanics and Craft of Annamite　Kỹ thuật của người An Nam
(Premiere edition 1909) Published by Nhà Xuất Bản Thế Giới/VN, 2009　31.5ｘ24ｃｍ　hard cover in Box ★: 271p, ★★ :350p, ★★★: 349p　セット価格 19,900 円＋税
★(第１巻)　刊行辞、筆者紹介、デザイン解説、文字解説など　（仏語・英語・越語併記）
★★（第２巻）★★★（第３巻）全 700 ページにわたりすべてデッサン及びスケッチ, 刺繍、彫刻、製紙、床屋、商人、竹製品の修理、運送業者、衣服業、米・魚・煙草名のど食品業者、レンガ、竹・土の家、発掘業者などのデッサンとスケッチは 4000 を超える

発行・発売元　ビスタ　ピー・エス　〒410-2418　静岡県伊豆市堀切 1004-263　Tel:0558-72-6809
e-mail: customer@vistaps.com　http://www.vistaps.com